

Báo cáo cơ sở vật chất
Năm học: 2022-2023

STT	Chỉ tiêu	Tổng số	Chia ra				Tạm
			Kiên cố		Bán kiên cố		
			Tổng số	XD mới	Tổng số	XD mới	
1	A. Khối phòng nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ						
2	Nhà trẻ						
3	Số phòng học theo chức năng	4	4				
4	Chia ra: - Phòng học (nuôi, dạy, chăm sóc trẻ)	2	2				
5	- Phòng vệ sinh	2	2				
6	- Phòng ngủ						
7	- Phòng khác						
8	Mẫu giáo						
9	Số phòng học theo chức năng	32	32				
10	Chia ra: - Phòng học (nuôi, dạy, chăm sóc trẻ)	16	16				
11	- Phòng vệ sinh	16	16				
12	- Phòng ngủ						
13	- Phòng khác						
14	B. Khối phòng phục vụ học tập						
15	Số phòng theo chức năng	6	6				
16	Chia ra: - Thư viện	2	2				
17	- Phòng giáo dục thể chất	2	2				
18	- Phòng đa chức năng (nghệ thuật)	1	1				
19	- Phòng khác	1	1				
20	Trong đó: Nhà trẻ						
21	Số phòng theo chức năng						
22	Chia ra: - Thư viện						
23	- Phòng giáo dục thể chất						
24	- Phòng giáo dục nghệ thuật						
25	- Phòng đa chức năng (nghệ thuật)						
26	- Phòng khác						
27	Trong đó: Mẫu giáo						
28	Số phòng theo chức năng	8	8				
29	Chia ra: - Thư viện	2	2				
30	- Phòng giáo dục thể chất	2	2				
31	- Phòng giáo dục nghệ thuật	2	2				
32	- Phòng đa chức năng	1	1				
33	- Phòng hỗ trợ giáo dục hòa nhập						
34	- Phòng khác	1	1				
35	C. Khối phòng tổ chức ăn						
36	Số phòng theo chức năng	18	18				
37	Chia ra: - Nhà bếp						
38	- Nhà kho	18	18				
39	- Phòng khác						
40	Trong đó: Nhà trẻ						
41	Số phòng theo chức năng	2	2				
42	Chia ra: - Nhà bếp						
43	- Nhà kho	2	2				

44	- Phòng khác						
45	Trong đó: Mẫu giáo						
46	Số phòng theo chức năng	16	16				
47	Chia ra: - Nhà bếp						
48	- Nhà kho	16	16				
49	- Phòng khác						
50	D. Khối phòng khác						
51	Số phòng theo chức năng						
52	Chia ra: - Phòng y tế						
53	- Khu vệ sinh dành cho giáo viên	18	18				
54	- Khu vệ sinh dành cho học sinh	18	18				
55	Trong đó: - Khu vệ sinh dành cho học sinh trong bố trí trong lớp học						
56	Trong đó: Nhà trẻ						
57	Số phòng theo chức năng	4	4				
58	Chia ra: - Phòng y tế						
59	- Khu vệ sinh dành cho giáo viên	2	2				
60	- Khu vệ sinh dành cho học sinh	2	2				
61	Trong đó: - Khu vệ sinh dành cho học sinh trong bố trí trong lớp học						
62	Trong đó: Mẫu giáo						
63	Số phòng theo chức năng	32	32				
64	Chia ra: - Phòng y tế						
65	- Khu vệ sinh dành cho giáo viên	16	16				
66	- Khu vệ sinh dành cho học sinh	16	16				
67	Trong đó: - Khu vệ sinh dành cho học sinh trong bố trí trong lớp học						
68	E. Khối phòng hành chính quản trị						
69	Số phòng theo chức năng	12	12				
70	Chia ra: - Phòng Hiệu trưởng	1	1				
71	- Phòng Phó hiệu trưởng	2	2				
72	- Văn phòng trưởng	1	1				
73	- Phòng họp	1	1				
74	- Phòng hành chính quản trị	1	1				
75	- Phòng bảo vệ	1	1				
76	- Phòng truyền thông	1	1				
77	- Nhà công vụ giáo viên						
78	- Phòng nhân viên	1	1				
79	- Nhà kho	1	1				
80	- Phòng khác	2	2				
81	F. Khối công trình công cộng						
82	Số phòng theo chức năng	1	1				
83	Chia ra: - Nhà xe giáo viên	1	1				
84	- Phòng khác						

HIỆU TRƯỞNG



Lê Thị Hồng Thủy